

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 22-LĐTT ngày 4-8-1958
bổ sung thông tư số 7-LĐ-TT ngày
1-4-1956 hướng dẫn thi hành nghị
định số 703-TTg ngày 29-2-1956 về
khoản trợ cấp tử tuất cho gia đình
những cán bộ công nhân viên chết vì
tai nạn lao động.

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: Các ông Chủ tịch Ủy ban Hành
chính các liên khu, thành phố và
tỉnh.

Các ông Giám đốc khu và sở lao
động.

Các ông Trưởng ty, Trưởng phòng
lao động.

Đồng kính gửi: Các vị Bộ trưởng các Bộ. Các ông
thủ trưởng các cơ quan trung
ương.

Tổng liên đoàn Lao động Việt
nam.

Ban thống nhất trung ương.

Việc thanh toán khoản trợ cấp tử tuất bằng 15
tháng lương quy định tại điều 1 nghị định Thủ
tướng phủ số 703-TTg ngày 29-2-1956 cho thừa kế
các cán bộ công nhân viên giúp việc Chính phủ
chết vì tai nạn lao động, nói chung đã được các
nơi thi hành tốt, theo đúng sự hướng dẫn của thông
tư Bộ Lao động số 7-LĐ-TT ngày 1-4-1956.

Riêng trường hợp người chết là cán bộ, công
nhân viên miền Nam không có thừa kế cùng tập
kết ra Bắc, các đơn vị sử dụng thường không thanh
toán trợ cấp tử tuất mà chỉ gửi các di vật của
người tử nạn về Ban Thống nhất trung ương theo
chỉ thị của Thủ tướng phủ số 1.000-TTg ngày
9-8-1956.

Bộ tôi nhận thấy làm như vậy sau này quan
hệ Bắc-Nam được tái lập, gia đình các người tử
nạn ra Bắc nhận mồ mã và di vật, lúc bấy giờ mới
đặt vấn đề truy lĩnh trợ cấp tử tuất thì rất có thể
các chứng từ về tai nạn dễ bị thất lạc, việc thanh
toán trợ cấp sẽ gặp khó khăn về mặt thủ tục
giấy tờ.

Do đó, Bộ tôi bổ sung thông tư số 7-LĐ-TT
như sau:

Trường hợp cán bộ công nhân viên miền Nam
chết vì tai nạn lao động, dù không có thừa kế ở
ngoài Bắc, đơn vị sử dụng vẫn phải thanh toán
trợ cấp tử tuất và chuyển giao cùng một lúc với di
vật và tiền riêng (nếu có) của người tử nạn sang

Ban Thống nhất trung ương quản lý để sau này
giao lại cho gia đình người chết. Số tiền ấy Ban
Thống nhất sẽ gửi vào Ngân hàng Quốc gia theo
tài khoản riêng.

Vậy đề nghị các Ủy ban Hành chính và các cơ
quan Lao động chú ý theo dõi việc thi hành quy
định bổ sung này, nếu thấy trước đây còn trường
hợp nào chưa giải quyết thì nhắc các đơn vị sử
dụng thanh toán gấp và gửi tiền về Ban Thống
nhất trung ương quản lý để bảo đảm chính sách.

Ngày 4 tháng 8 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Lao động
NGUYỄN VĂN TẠO

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT NAM

THẺ LỆ số 2154-TL/VB ngày 1-8-1958
về việc quản lý các loại kim khí quý,
đá quý, ngọc trai.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. — Căn cứ nghị định Thủ tướng Chính
phủ số 355 - TTg ngày 16 tháng 7 năm 1958, nay
ban hành thẻ lệ này nhằm cụ thể hóa việc quản
lý các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai để ngăn
ngừa và bài trừ triệt để nạn đầu cơ, buôn lậu,
xuất lậu các loại nói trên để bảo vệ tài sản quốc
dân, góp phần vào việc quản lý thị trường, ổn
định vật giá, ổn định tiền tệ, tạo điều kiện thuận
lợi cho việc cải tạo và phát triển nền kinh tế
quốc dân.

Điều 2. — Nội dung thẻ lệ này quy định việc
mua bán, sửa chữa, chế biến, cất giữ và mang các
loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai và những đồ
trang sức bằng các loại nói trên.

CHƯƠNG THỨ HAI

MUA BÁN KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ
NGỌC TRAI

Điều 3. — Kể từ ngày công bố lệnh thi hành
nghị định của Thủ tướng Chính phủ số 355 - TTg
ngày 16 tháng 7 năm 1958 về việc thống nhất kinh
doanh các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai vào
Ngân hàng quốc gia Việt-nam (dưới đây gọi tắt là
Ngân hàng), các hiệu vàng, bạc tư doanh không
được mua các loại kim khí quý, đá quý, ngọc
trai, nhưng còn được phép bán hết hàng tồn kho.

Thời hạn các hiệu vàng, bạc được phép bán
hết hàng tồn kho sẽ do các Chi nhánh Ngân hàng
tính căn cứ tình hình cụ thể mà quy định, nhưng
nói chung thời hạn đó không quá 3 tháng. Riêng

đối với các đồ mỹ nghệ nam bạc hoặc bít bạc thì thời hạn bán có thể dài hơn.

Việc bán hàng tồn kho của các hiệu vàng, bạc tư doanh vẫn theo thể thức cũ.

Đối với tư nhân, cấm hẳn việc buôn bán các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai.

Điều 4. — Các Chi nhánh Ngân hàng khu Tự trị, thành phố, tỉnh tổ chức mua kim khí quý cho nhân dân. Các cửa hàng mỹ nghệ vàng bạc quốc doanh ở Hà nội, Hải phòng ngoài việc tổ chức mua kim khí quý, mua cả đá quý, ngọc trai cho nhân dân.

Căn cứ vào nhu cầu trang sức của nhân dân và khả năng của mình, Ngân hàng các tỉnh tổ chức bán đồ trang sức, đồ mỹ nghệ bằng kim khí quý, đá quý, ngọc trai, cho nhân dân.

Giá mua và giá bán các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai và đồ trang sức, mỹ nghệ bằng các loại nói trên do Ngân hàng trung ương quy định và niêm yết tại các trụ sở Ngân hàng các cấp.

Điều 5. — Các cơ quan, xí nghiệp Nhà nước cần mua kim khí quý dùng vào những công tác khoa học, kỹ thuật, y học hay làm huân chương, huy hiệu, v.v... phải có kế hoạch dự trù trước được cấp Trung ương cơ quan ấy duyệt. Ngân hàng xét để cung cấp theo khả năng và trong phạm vi kế hoạch đã duyệt.

CHƯƠNG THỨ BA

SỬA CHỮA, CHẾ BIẾN ĐỒ TRANG SỨC

Điều 6. — Những tổ chế biến hoặc thợ chuyên nghiệp được đăng ký sửa chữa, chế biến đồ trang sức, đồ mỹ nghệ bằng kim khí quý, đá quý, ngọc trai phải chịu trách nhiệm với khách hàng của mình về trọng lượng, chất lượng của món hàng đã sửa chữa hoặc chế biến. Trong hóa đơn hoặc hợp đồng về những món hàng chế biến đều phải ghi rõ trọng lượng, chất lượng và trên sản phẩm phải đóng dấu hiệu riêng của mình và tuổi vàng bạc.

Điều 7. — Ngoài việc sửa chữa, chế biến đồ trang sức cho nhân dân, các tổ chế biến hoặc thợ chuyên nghiệp đã đăng ký không được làm công việc lọc vàng, (trở vàng), không được trưng bày những mẫu hàng bằng vàng. Riêng mẫu hàng bằng bạc được trưng bày sau khi đã kê khai tại Ngân hàng.

Điều 8. — Giá công chế biến những đồ trang sức thường dùng phải theo sự quy định của Ủy ban Hành chính khu Tự trị, thành phố, tỉnh. Giá quy định nói trên các cửa hàng phải niêm yết tại nơi khách hàng dễ xem nhất.

Điều 9. — Những tổ chế biến hoặc thợ chuyên nghiệp được đăng ký phải kê khai và mở sổ sách

theo đúng những thể lệ do Ngân hàng quy định và phải chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Khi không hoạt động nữa phải nộp lại giấy đăng ký cho Ngân hàng, không được chuyển nhượng cho người khác bất cứ dưới hình thức nào.

Điều 10. — Nếu những tổ chế biến hoặc thợ chuyên nghiệp được đăng ký không thi hành đúng những thể lệ đã quy định thì tùy trường hợp nặng nhẹ sẽ bị xử lý theo điều 8 trong nghị định Thủ tướng Chính phủ số 355-TTg ngày 16 tháng 7 năm 1958.

CHƯƠNG THỨ TƯ

MANG CÁC LOẠI KIM KHÍ QUÝ, ĐÁ QUÝ, NGỌC TRAI VÀ NHỮNG ĐỒ TRANG SỨC BẰNG CÁC LOẠI NÓI TRÊN

Điều 11. — Mang các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai chưa chế biến thành đồ trang sức từ nơi này qua nơi khác trong phạm vi một thành phố, một thị xã hoặc từ huyện này qua huyện khác đều phải xin giấy phép của Ngân hàng hoặc cơ quan được ủy nhiệm cấp, trừ trường hợp mang vàng nói ở điều 13 trong thể lệ này.

Những loại vàng, bạc thoi, khối, nén, vàng lá, vàng cốm, (vàng sa, vàng dãi) vàng vụn, tiền vàng, tiền bạc hoặc đồ trang sức chế biến dở dang đều không coi là đồ trang sức. Người nào mang những thứ nói trên không có giấy phép thì coi như mang kim khí quý trái phép.

Điều 12. — Mang đồ trang sức bằng kim khí quý, đá quý, ngọc trai trên số lượng sau đây thì phải xin giấy phép:

- 1 lạng ta (37 gam 5) vàng đã đánh thành đồ trang sức;
- 10 lạng ta (375 gam) bạc đã đánh thành đồ trang sức hoặc đồ mỹ nghệ;
- 2 đồng cân bạch kim (7 gam 5) đã đánh thành đồ trang sức;
- 3 ca-ra (0 gam 6) mặt đá kim cương đã lắp hoặc gắn vào đồ trang sức.

Mang đồ trang sức từ số lượng nói trên đây trở xuống không phải xin giấy phép nhưng phải có đủ giấy tờ hợp pháp như hóa đơn hoặc giấy chứng nhận, v.v... Những giấy tờ đó không nhất thiết phải mang theo người nhưng khi cần thiết thì phải xuất trình.

Ngoài kim cương đã quy định theo mức nói trên, những đồ trang sức bằng đá quý khác mang theo người đều phải lắp, gắn vào đồ trang sức như nhẫn mặt, hoa tai, v.v...

Đối với ngọc trai và các loại ngọc khác mang theo người nếu dễ rời hoặc xâu thành chuỗi quá 100 hạt đều phải xin giấy phép.

Điều 13.— Những người có số ít vàng chưa đánh thành đồ trang sức muốn mang theo người và những người muốn mang theo đồ trang sức quá số lượng đã quy định nói ở điều 12 trong thể lệ này đều phải xin giấy chứng nhận đặc biệt.

Muốn xin giấy chứng nhận đặc biệt phải đến Ngân hàng xin giấy phép để mang vàng đến Ngân hàng đóng dấu, ghi đặc điểm. Sau đó sẽ được cấp một giấy chứng nhận đặc biệt thay cho giấy mang vàng.

Khi cần thiết, Ngân hàng có thể kiểm soát những loại vàng đã được cấp giấy chứng nhận đặc biệt.

Điều 14.— Mang các loại kim khí quý, đá quý, ngọc trai chưa chế biến thành đồ trang sức hoặc mang những đồ trang sức, đồ mỹ nghệ bằng các loại nói trên quá số lượng quy định ở điều 12 thì phải xin giấy phép tại :

— trong phạm vi thành phố hay thị xã thì xin giấy phép Ủy ban Hành chính quận hay thị xã. Ra ngoài thành phố hay thị xã thì phải xin giấy phép Ngân hàng thành phố hay tỉnh.

— từ huyện này qua huyện khác trong phạm vi một tỉnh phải xin giấy phép Ủy ban Hành chính xã.

— từ tỉnh này qua tỉnh khác phải xin giấy phép Ngân hàng các cấp hoặc Ủy ban Hành chính huyện ở những nơi chưa có Ngân hàng.

— giấy chứng nhận đặc biệt nói ở điều 13 trong thể lệ này do Chi nhánh Ngân hàng cấp tỉnh cấp.

Riêng đối với việc cấp giấy phép mang vàng thì Ủy ban Hành chính quận, thị xã và Ủy ban Hành chính xã chỉ được cấp giấy phép mang một số lượng không quá 3 lạng ta (112 gam 5).

Giấy phép mang kim khí quý, đá quý, ngọc trai không được cho người khác mượn.

Điều 15.— Mang vàng cốm (vàng sa, vàng dãi) ở những nơi có dãi vàng sẽ do Chi nhánh Ngân hàng tỉnh căn cứ vào tình hình cụ thể để quy định việc cấp giấy phép.

CHƯƠNG THỨ NĂM

ĐỐI VỚI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC ÍT NGƯỜI

Điều 16.— Thể lệ quản lý kim khí quý, đá quý, ngọc trai này áp dụng chung cho cả những vùng đồng bào dân tộc ít người.

Nhưng để chiếu cố đến phong tục tập quán của một số vùng dân tộc ít người mà đồng bào nơi đó còn quen dùng các loại bạc nén, bạc hoa xòe (bạc trắng, bạc đồng, bạc hào) để làm đồ trang sức và trao đổi trong nội bộ về các việc ma chay, cưới xin v.v... nên quy định như sau :

a) Cho phép một số vùng dân tộc ít người được tạm thời dùng bạc nén và bạc hoa xòe trong nội bộ dân tộc ít người với nhau theo phong tục tập quán. Ngân hàng sẽ cùng với các Ủy ban Hành chính khu Tự trị và tỉnh có dân tộc ít người nghiên cứu quy định vùng tạm thời được dùng bạc nén và bạc hoa xòe.

b) Đồng bào thuộc các dân tộc ít người đeo đồ trang sức bằng bạc theo phong tục tập quán của dân tộc mình đi từ nơi này qua nơi khác không phải xin giấy phép.

c) Việc mang bạc nén, bạc hoa xòe từ các vùng được tạm thời cho dùng tới các vùng cấm lưu hành thì phải xin giấy phép Ủy ban Hành chính xã nơi mình ở.

CHƯƠNG THỨ SÁU

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 17.— Cấm lưu hành và tàng trữ các loại tiền bạc như bạc hoa xòe, (bạc trắng, bạc đồng, bạc hào) trừ một số vùng dân tộc ít người có quy định riêng ở điều 16 trong thể lệ này.

Điều 18.— Mọi người đều có quyền cất giữ kim khí quý, đá quý, ngọc trai. Để bảo vệ quyền lợi cho người cất giữ và tránh sự gian lận, các Chi nhánh Ngân hàng khu Tự trị, thành phố, tỉnh sẽ căn cứ tình hình và hoàn cảnh cụ thể của địa phương để công bố các thể lệ về việc cấp giấy chứng nhận và tiến hành tổ chức việc cấp giấy chứng nhận cho nhân dân.

Trong thời gian các Chi nhánh Ngân hàng chưa công bố và tổ chức việc cấp giấy chứng nhận rộng khắp trong nhân dân, nếu có người muốn kê khai để được cấp giấy chứng nhận giữ vàng thì các Chi nhánh Ngân hàng cũng có thể tiến hành cấp giấy chứng nhận giữ vàng cho những người đó.

Điều 19.— Việc xuất nhập khẩu kim khí quý, đá quý, ngọc trai thì hành theo thể lệ quản lý ngoại hối của Ngân hàng quốc gia Việt-nam.

Điều 20.— Những người làm trái thể lệ này thì xử lý theo các điều quy định trong nghị định số 355 - TTg ngày 16 tháng 7 năm 1958.

Điều 21.— Tất cả những điều quy định trước đây của Ngân hàng quốc gia Việt-nam trái với thể lệ này đều bãi bỏ.

Điều 22.— Bản thể lệ này có hiệu lực kể từ ngày công bố.

Điều 23.— Bản thể lệ này do Ngân hàng quốc gia Việt nam ban hành, khi thay đổi cũng vậy.

Hà-nội, ngày 1 tháng 8 năm 1958

KT. Tổng giám đốc Ngân hàng quốc gia Việt-nam

Phó Tổng giám đốc

TẠ HOÀNG CƠ